

BỘ GIÁO DỤC
Số: 441-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 1973

QUYẾT ĐỊNH

SỐ 441/QĐ NGÀY 28/6/1973 CỦA BỘ GIÁO DỤC BAN HÀNH TIÊU CHUẨN ĐỒ DÙNG DẠY HỌC TRƯỜNG PHỔ
THÔNG CẤP 1, 2 VÀ 3

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

- Căn cứ nghị định số 19/CP ngày 29/1/1966 và nghị định số 06/CP ngày 7/1/1971 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Giáo dục;
- Căn cứ Nghị định số 28/CP ngày 24/2/1968 của Hội đồng Chính phủ về thiết bị kỹ thuật cho các trường văn hoá và các trường chuyên nghiệp;
- Theo đề nghị nghị của ông Chủ nhiệm Công ty thiết bị trường học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo thuyết định này các bản:

- Tiêu chuẩn đồ dùng dạy học trường phổ thông cấp 1
- Tiêu chuẩn đồ dùng dạy học trường phổ thông cấp 2
- Tiêu chuẩn đồ dùng dạy học trường phổ thông cấp 3

Áp dụng từ năm học 1972 - 1973

Điều 2: Các bản tiêu chuẩn đồ dạy học trường phổ thông cấp 1, cấp 2, cấp 3 ban hành trước đây, từ nay đều bãi bỏ.

Điều 3: Các ông Chánh văn phòng, Chủ nhiệm Công ty thiết bị trường học, Vụ trưởng Vụ giáo dục phổ thông cấp 1, Vụ trưởng Vụ giáo dục phổ thông cấp 2 - 3, Vụ trưởng Vụ kế hoạch

tài vụ, Cục trưởng cục I, Viện trưởng Viện khoa học giáo dục, các ông Giám đốc Sở và Trưởng Ty giáo dục, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TIÊU CHUẨN

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG CẤP I

(Ban hành theo quyết số 441 ngày 28/6/1973 của bộ Giáo dục)

			Số lượng			
TT	Tên đồ dùng dạy học	Đơn giá	Trường từ 9 lớp trở xuống	Trường 10 - 15 lớp	Trường 16 lớp trở lên	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	QUỐC VĂN					
	<i>Bảng in</i>					
1	Tập mẫu chữ dùng cho cấp I	0,20	9	12	15	
2	Bảng mẫu chữ treo trên lớp (chữ hoa)	0,40	3	6	9	lớp 1,2
3	Bảng mẫu chữ treo trên lớp (chữ thường)	0,40	3	6	9	lớp 1,2
4	Bảng: "ngồi cho đúng trong lúc viết"	0,30	2	3	4	lớp 1,2
	<i>Tranh</i>					
1	Bộ tranh về giao thông vận tải	1,20	2	3	4	
2	Tập truyện tranh lớp 1	1,20	2	3	4	
2	Tập truyện tranh lớp 2	1,60	2	3	4	
4	Hộp tranh xếp theo chủ điểm	4,00	2	3	4	lớp 1,2
	<i>Ảnh</i>					
1	Bác Hồ của chúng em	4,00	1	2	3	
2	Quân đội nhân dân V.N	4,00	1	2	3	
3	Bộ đội giải phóng miền Nam	4,00	1	2	3	
4	Phong cảnh đất nước	4,00	1	2	3	
5	Thủ đô của chúng ta	4,00	1	2	3	
6	Thành phố	4,00	1	2	3	
7	Nông thôn	4,00	1	2	3	

8	Miền núi và dân tộc ít người	4,00	1	2	3	
9	Miền biển	4,00	1	2	3	
10	Nhà máy, hầm mỏ	4,00	1	2	3	
11	Hợp tác xã nông nghiệp	4,00	1	2	3	
12	Hoạt động của thiết nhi	4,00	1	2	3	
	SỬ					
	<i>Bản đồ</i>					
1	Thế giới chính trị	1,00	2	3	4	Chung
2	Bản đồ V.N tự nhiên	1,00	2	3	4	với Địa
3	Bản đồ một số trận đánh lớn chống xâm lăng (quân Nguyên, quân Minh, quân Thanh, Điện Biên phủ)	2,00	2	3	4	
	<i>Tranh</i>					
1	Hai Bà Trưng khởi nghĩa	0,30	2	3	4	
2	Đầu voi phát ngọn cờ vàng (Bà Triệu)	0,30	2	3	4	
3	Trên Sông Bạch Đằng (Ngô Quyền)	0,30	2	3	4	
4	Hội nghị Diên Hồng	0,30	2	3	4	
5	Lá cờ thêu 6 chữ vàng (Trần Quốc Toản)	0,30	2	3	4	
6	Lam Sơn khởi nghĩa	0,30	2	3	4	
7	Nguyễn Huệ đánh phá quân Thanh	0,30	2	3	4	
	<i>Ảnh</i>					
1	Bác Hồ của chúng em	4,00	1	2	3	Chung
2	Cách mạng tháng 8 và toàn quốc kháng chiến	4,00	2	2	3	với Văn
3	Các liệt sĩ cách mạng	4,00	2	2	3	
4	Các vị lãnh tụ Đảng và Nhà nước	4,00	2	2	3	
5	Miền Bắc xây dựng CNXH	4,00	2	2	3	
6	Toàn dân chống Mỹ cứu nước	4,00	2	2	3	
7	Di tích lịch sử và văn hoá	4,00	2	2	3	
	ĐỊA					

	<i>a. Mô hình, mẫu vật</i>					
1	Quả địa cầu tự nhiên	40,00	1	1	2	
2	Địa bàn học đường	3,00	1	2	3	
3	Mô hình hệ thống chuyển động của mặt trăng, mặt trời và trái đất	40,00	1	1	1	
4	Bảng mẫu gỗ	2,00	1	1	2	
5	Hộp mẫu quặng	5,00	1	1	2	
6	Mô hình kinh, vĩ tuyến					Tự làm
	<i>b. Bản đồ</i>					
1	Thế giới chính trị	2,00	2	3	4	
2	Việt nam, Lào, Campuchia (tự nhiên)	2,00	2	3	4	
3	Việt Nam dân cư hành chính	2,00	2	3	3	
4	Việt nam công nghiệp	2,00	2	3	3	
5	Việt nam khí hậu sông ngòi	2,00	2	3	4	
6	Việt nam giao thông và khoáng sản	2,00	2	3	4	
7	Việt nam nông nghiệp	2,00	2	3	4	
8	Liên Xô tự nhiên	2,00	2	3	4	
9	Trung Quốc tự nhiên	2,00	2	3	4	
10	Bản đồ câm (Việt Nam)	1,00	2	3	4	
11	Bản đồ địa phương (tỉnh)					địa phương xây dựng
	<i>c. Ảnh</i>					
1	Phong cảnh đất nước	4,00	1	2	3	Chung
2	Chăn nuôi trồng trọt	4,00	1	2	3	với Văn
3	Những đặc sản của nước ta	4,00	1	2	3	
4	Các dân tộc Việt Nam	4,00	1	2	3	
	HỌC TÍNH					
	<i>Tranh</i>					
1	Tập tranh dạy 10 số đầu	3,00	2	2	3	

2	Tập tranh các con vật, đồ vật	0,60	2	3	4	
3	Hình các giấy bạc tiền VN	0,60	2	3	4	
4	Bảng hệ thống các đơn vị đo chiều dài, diện tích, thể tích, khối lượng	0,80	2	3	4	
5	Bảng đơn vị đo thời gian, năm, tháng, thế kỷ	0,60	2	3	4	
6	Tranh dạy phân số	0,20	2	3	4	
7	Bảng minh hoạ diện tích hình tròn	0,20	2	3	4	
8	Bảng cộng	0,20	1	2	3	Tự làm
9	Bảng trừ	0,20	1	2	3	-
10	Bảng nhân	0,20	1	2	3	-
11	Bảng chia	0,20	1	2	3	-
12	Bảng tính nhẩm	0,20	1	2	3	
13	Bảng công thức tính chu vi, diện tích hình phẳng	0,20	1	2	3	-
14	Bảng công thức tính thể tích các hình khối	0,20	1	2	3	-
15	Bảng hướng dẫn đo chiều dài	0,20	1	2	3	-
	<i>Dụng cụ mô hình</i>					
1	Tập chữ số cắt rời 0-9	1,00	1	2	3	
2	Bộ que tính 100 (que)					-
3	Bộ mẫu các hình phẳng					-
4	Bộ mẫu các góc					-
5	Bộ mẫu các khối					-
6	Hộp dạy đọc số, đọc các đơn vị đo	10,00	1	2	3	
7	Hộp dạy 10 số đầu	5,00	1	2	3	
8	Bàn tính lớp 1,2	5,00	4	6	8	
9	Hộp dạy đo thể tích	5,00	2	3	5	
10	Thước thẳng 1m	0,50	9	12	15	
11	Compa vẽ bảng	1,00	2	3	4	Bộ
12	Ê ke vẽ bảng (2 cái)	3,00	2	3	4	